TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C, TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 180/2019/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 02 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 234/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Nguyễn Tấn Q**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh T.

2. Chị **Nguyễn Thị Thủy L**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ việc, anh Nguyễn Tấn Q và chị Nguyễn Thị Thủy L trình bày:

[1] Anh, chị kết hôn với nhau vào ngày 23 tháng 11 năm 2016 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 105 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh T. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau được 02 năm và có 01 con chung. Trong thời gian chung sống hôn nhân giữa anh chị không hạnh phúc, thường xuyên tranh cãi, bất đồng ý kiến dẫn đến xu hướng bạo lực gia đình, dù gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải và khuyên bảo nhưng không thành, vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau được 12 tháng. Nay anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 29/7/2017. Anh Q đồng ý giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Tấn Q và chị Nguyễn Thị Thủy L phải chịu 300.000đồng tiền lệ phí Hôn nhân sơ thẩm, anh chị đã tạm nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 10088, ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện C, tỉnh T nên được cấn trừ xem như anh chị đã thực hiện xong phần lệ phí.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tấn Q và chị Nguyễn Thị Thủy L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 29/7/2017. Anh Q đồng ý giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Tấn Q và chị Nguyễn Thị Thủy L phải chịu 300.000đồng tiền lệ phí Hôn nhân sơ thẩm, anh chị đã tạm nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 10088, ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T nên được cấn trừ xem như anh chị đã thực hiện xong phần lệ phí.

3. Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kim Ngọc Giàu